

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 17 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Vũ Kim Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn H1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn T1 sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đến UBND xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T1 ở thôn H1, xã E được

khoảng 05 tháng thì chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị T ở thôn H, xã E. Vợ chồng sống thuận hòa hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, anh T1 thường rượu chè say xỉn rồi về nhà gây sự đánh đập vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với anh T1, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 11/9/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng muốn được chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị T đang làm nhân viên văn phòng của công ty may mặc, thu nhập bình quân một tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng. **Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đan ở cùng chị T.**

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 05/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh T1 và chị Ngô Thị Thu T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đến UBND xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2017. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đôi lúc xô xát lẫn nhau nhưng anh T1 cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Anh T1 thừa nhận cũng hay nhậu nhẹt rồi về nhà gây sự với vợ con như chị T trình bày và hiện nay anh T1 rất hối hận về những việc mà tôi đã gây ra cho chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 thì anh T1 không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị T và mong chị T cho cơ hội để sửa chữa những sai lầm của mình.

- Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 11/9/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn thì anh T1 có nguyện vọng muốn được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện anh T1 đang làm công nhân may mặc, thu nhập bình quân một tháng khoảng hơn 8.000.000 đồng. **Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đ ở cùng chị T.**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy

định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi T1 báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; 97; 196; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thu T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 11/9/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị Thu T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 hiện đang trú tại: Thôn H1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn lên Tòa án làm việc theo đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1 vào ngày 13/3/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh T1 sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, sự việc cãi vã xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh T1 sinh sống cho biết: Sau khi chị T và anh T1 kết hôn với nhau thì quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi vã, đôi lúc có xô sát lẫn nhau, hiện đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ngô Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 11/9/2017.

Xét nguyện vọng của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi chị T và anh T1 ly thân từ năm 2020 thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho tới nay. Xét điều kiện kinh tế hiện nay của chị T đủ để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Linh Đ cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu về điều kiện kinh tế cùng điều kiện tâm lý cho sự phát triển về tinh thần và thể chất của các cháu.

Chị Ngô Thị Thu T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Ngô Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T phải chịu án phí **ly hôn** sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177, Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 11/9/2017 cho chị Ngô Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Ngô Thị Thu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0007463 ngày 14/03/2022.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã E
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Đôn